Quyển 41 (Kinh số 1121 - 1144)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

QUYỂN 41 1121. LỢI ÍCH GIỮ GIỚI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ.*2 Bấy giờ, có nhiều người họ Thích đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo những người họ Thích: -Này các Cù-đàm! Vào những ngày trai và các ngày lễ đặc biệt3 các vị có thọ trì trai giới và tu tập công đức không? Các người họ Thích bạch Phật: —Kính bạch Thế Tôn! Vào những ngày trai, có lúc chúng con giữ được trai giới nhưng có lúc không giữ được. Vào các ngày lễ đặc biệt, có lúc chúng con giữ được trai giới và tu tập các công đức nhưng có lúc không giữ được. Phật bảo những người họ Thích: Này các Cù-đàm! Nêu như vậy các ông sẽ không đạt được lợi ích tót lành. Các ông là những người kiêu mạn, là người phiên não, là người lo buôn, là người khổ não. Tại sao vào những ngày trai giới có khi các ông giữ được trai giới, có khi các ông không giữ được? Tại sao vào những ngày lễ đặc biệt, có khi các ông giữ được trai giới, tu tập công đức, có khi các ông không giữ được? Này các Cù-đàm! Ví như một người mong câu lợi tức môi ngày càng tăng, một ngày tăng được một đồng, hai ngày được hai đồng, ba ngày được bốn đồng, bôn ngày được tám đông, năm ngày được mười sáu đông, sáu ngày được hai mươi đồng. Như vậy, càng ngày càng tăng dần, tám ngày, chín ngày, cho đến một tháng thì tiền tài của người ấy càng nhiều hơn phải không? Những người họ Thích bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy. Phật bảo những người họ Thích: -The nào, này các Cù-đàm? Như vậy, người kia tiền tài ngày càng tăng và tát nhiên sẽ tăng thêm mãi; thê ròi người kia lại muôn trong mười năm, tâm

'Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.H21. 0297b 19). Tham chiếu: A. 10.46 - v. 83. 2 Nguyên tác: Ca-tỳ-la-vệ quốc, Ni-câu-luật viên (H, Kapilavatthu, Nigrodhārāma). 3 Nguyên tác: Thần túc nguyệt ().Xem chú thích 44, kinh số 1U7, quyển 40, tr. 1223; Tạp. (r.02. 0099.1H7. 0295C10).

mình luôn luôn an lạc vui vẻ, phần nhiều trụ trong thiền định thì điều này có thể được không? Những người họ Thích đáp: Bạch Thế Tôn! Không thể được. Phật lại hỏi tiếp: Nêu vậy, trong chín năm, tám năm, bảy năm, sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm hay một năm, tâm người kia có luôn được an lạc vui vẻ9 phần nhiều an trụ trong thiền định không? Người họ Thích đáp: Bạch Thế Tôn! Không thể được. Phật lại bảo người họ Thích: Thôi không tính năm mà chỉ tính tháng. Vậy trong mười tháng, chín tháng, tám tháng cho đến một tháng, tâm người kia có luôn được an lạc vui vẻ, phần nhiều an trụ trong thiền định không? Lại không tính tháng mà trong mười ngày, chín ngày, tám ngày cho đến một ngày một đêm tâm người kia có luôn an lạc vui vẻ, phần nhiều an trụ trong thiền định không? -Bạch Thế Tôn! Không thể được. Phật lại dạy những người họ Thích: Nay Ta nói cho các ông biết, trong hàng đệ tử của Ta có những người đạt được tâm ngay thẳng, không cong vạy, không dối trá, bởi vì họ được

Ta giáo hóa đã mười năm. Do nhân duyên này nên người ấy có thể trong trăm, ngàn, vạn năm tâm thường được hỷ lạc, thường an tru trong thiền định, điều này là chắc chắn. Lại nữa, không kê mười năm? hoặc chỉ chín năm, tám năm, cho đên một năm, mười tháng, chín tháng, cho đen một tháng, mười ngày, chín ngày, cho đến một ngày một đêm, nếu được Ta giáo hóa thì đến sáng hôm sau họ có thể thăng tiến vượt bậc. Nếu được Ta giáo hóa buổi sáng thì chiều tối thăng tiến gấp nhiều lần. Do nhân duyên này nên trong trăm, ngàn, vạn năm tâm người kia luôn luôn hỷ lạc, thường an tru trong thiền định, thành tựu hai quả vị: Hoặc Tư-đà-hàm hoặc quả A-na-hàm, vì người này trước đó đã đắc Tu-đà-hoàn rồi. Những người họ Thích bạch Phật: Lành thay, bạch Thế Tôn! Từ hôm nay, vào những ngày trai, chúng con sẽ tu tập tám trai giới. Vào những ngày lễ đặc biệt, chúng con cũng thọ trì trai giới, tùy sức mà bố thí và tu tập các công đức. Phật bảo những người họ Thích: Lành thay, các Cù-đàm! Đó là những việc thật cần thiết. Đức Phật nói kinh này xong, những người họ Thích nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, liền đảnh lễ rồi ra về. ***

1232 KINH TẠPA-HÀM _____

1122. PHÉP THAM BỆNH4 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có nhiều người họ Thích nhóm họp tại nhà luận nghi để cùng nhau bàn luận. Khi ấy, có người họ Thích nói với Thích Nan-đề: Có lúc tôi được đến cung kính cúng dường Như Lai nhung có lúc thì không thể. Có khi được gần gũi cúng dường các vi Tỳ-kheo quen biết nhưng có khi thì khônệ thể gần gũi cúng dường. Lại nữa, tôi không biêt những iru-bà-tăc trí tuệ khi thay các xxu-bà-tắc, ưu-bà-di trí tuệ khác bị tật bệnh khốn khô thì phải thuyết pháp, giáo giới, giáo hóa cho họ thế nào? Bây giờ? chúng ta hãy đen chỗ The Tôn thưa hỏi nghĩa này rồi theo như những gì Thế Tôn dạy, chúng ta sẽ phụng hành theo. Lúc đó? Nan-đề và những người họ Thích cùng nhau đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Bạch Thế Tôn! Những người họ Thích chúnẹ con tụ tập tại nhà luận nghị để luận bàn. Có người họ Thích đến nói với con răng: "Này Nan-đê, chúng tôi có khi được đến cung kính cúng dường Như Lai nhưng có khi thì không thể. Có khi được gần gũi cúng dường các vị Tỳ-kheo quen biết nhưng có khi thì không thể. (Nói đây đủ như trên, cho đen) như những gì Thế Tôn dạy chúng ta sẽ phụng hành theo." Hom nay, chúng con xin thỉnh vấn Thế Tôn: "Nếu một ưu-bà-tắc trí tuệ? khi thấy ưu-bà-tắc và ưu-bà-di trí tuệ khác bị bệnh tật khốn 9 . r r r . khô nên thuyêt pháp, giáo giới, giáo hóa cho họ thê nào?" Phật bảo Nan-đề: Nếu ưu-bà-tắc có trí tuệ, muốn đến chỗ ưu-bà-tắc và ưu-bà-di trí tuệ khác đang bị tật bệnh khốn khổ thì phải đem ba pháp an tâm này mà truyền dạy cho họ, nên nói rằng: "Nhân giả! Hãy thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển5 đối với Phật, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp và đối với Ung." Sau khi đem ba pháp an tâm nay truyền dạy xong, lại hỏi tiếp: "Nhân giả có quyên luyên cha mẹ kh6ng?" Nêu người kia có quyến luyến cha mẹ thì phải khuyên bảo đê họ buông xả, nên nói như vây: "Nêu Nhân giả quyến luyến cha mẹ mà được sống thì cũng nên quyến luyến. Đã không do quyến luyến mà được sống thì quyến luyến làm gi?” Nêu người kia nói không còn quyên luyên cha mẹ thì nên khen ngợi và tùy hỷ, roi hỏi thêm răng: "Đôi với vợ con, tôi tớ5 tiền của và vật dụng, Nhân giả có

quyên luyên khong?" Nêu người kia nói có quyến luyến thì nên khuyên buông xả, như pháp buông xả sự quyến luyến cha mẹ. Nếu nói không quyến luyến thì nên

4 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1122. 0297c29). Tham chiếu: s. 55.54 - v. 408. 5 Bất hoại tịnh (aveccappasãdà). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (02. 0099344. 0094bÓ2).

khen ngợi và tùy hỷ, rồi hỏi tiếp: "Đối với năm dục thế gian, Nhân giả có luyến tiếc kh6ng?" Nếu họ nói luyến tiếc thì nên giải thích năm dục thế gian là ô uế, bất tinh, bại hoại, hôi hám, không bằng năm dục thắng diệu cõi trời. Phải khuyên họ lìa bỏ năm dục the gian mà cau năm dục cõi trời. Nếu người kia nói tâm đã xa lìa năm dục thê gian, chỉ nghĩ đên năm dục thăng diệu cõi trời thì nên khen ngợi và tùy hỷ roi lại nói với họ rằng: uNăm dục thắng diệu cõi trời cũng là pháp vô thường, khổ, không, là biến hoại. Chư thiên cõi trời có thân tướng thù thắng hơn năm dục cõi trời." Nấu người kia nói không còn mong cầu dục ở cõi trời và chỉ nghĩ đến thân tướng của chư thiên thì lại khen ngợi và tùy hỷ rồi lại nói tiếp: "Do tham dục mà có thân, thân ấy là pháp vô thường, là pháp biến hoại, chỉ có sự an lạc của xuất ly, diệt tận các hành mới là Niết-bàn. Nhân giả nên lìa bỏ sự mê luyến thân năm dục cõi trời mà vui nơi Niết-bàn vắng lặng, là tối thượng, là thù thắng.^, Vị Thánh đệ tử kia nếu đã lìa bỏ sự mê luyến đối với thân năm dục cõi trời, chỉ vui với Niết-bàn thì nên khen ngợi và tùy hỷ. Như vậy, này Nan-đề! Vi Thánh đệ tử nên tuần tự nhắc nhở, chỉ dạy, khiến cho họ được Niết-bàn tịch tĩnh,6 giống như Tỳ-kheo sống một trăm tuổi được Niết-bàn giải thoát. Đức Phật nói kinh này xong, Thích Nan-đề cùng mọi người nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, liên đảnh lễ rồi lui ra. ***

1123. ĐIỀU HẠNH PHÚC NHẤT7 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật, thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ, có người họ Thích tên Bồ-đề8 đến chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và bạch: -Lành thay, bạch Thế Tôn! Chúng con thật may mắn và hạnh phúc khi được làm thân quyển của Thế Tôn. Phật bảo Bồ-đề: Ônệ chớ nên nói: "Chúng con thật may mắn và hạnh phúc khi được làm thân quyên của Thế T6n." Này Bồ-đề! Điều may mắn và hạnh phúc nhất đó là thành tựu niềm tin thanh tịnh khônẹ lay chuyển9 đối với Phật, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đoi với Pháp và Tăng, đồng thời thành tựu được Thánh giới. Thế nên, này Bồ-đề! Phải nên học tập như vầy: "Ta phải thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, phải thành tựu niêm tin

6 Nguyên tác: Bất khởi :Không náo động ,chỉ cho sự tịch tĩnh, thanh nhàn. Xem chú thích 37, kinh số 1114, quyển 40, tr. 1219; Tạp.T.02. 0099.1114. Ỏ294al4. 7 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.7L02. 0099.1123. 0298ỒỈ4. Tham chiếu: s. 55.48 - v. 403. 8 Bồ-đề ,Bhaddiya. 9 Bất hoại tịnh aveccappasāda. Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. T.02. 0099.344. 0094b02.

thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp, phải thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Tăng, đồng thời thành tựu được Thánh giới." Đức Phật nói kinh này xong, Thích Bồ-đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, liền đảnh lễ rồi lui ra. ***

1124. PHƯỚC BÁO SANH THIÊN1011 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn Ni-câu-luật? thuộc nước Ca-tỳ-la-vệ. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Khi một vị Thánh đệ tử thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển11 đôi với Phật thì bây giờ, các chư thiên trước kia nhờ có niêm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật nên được sanh lên cõi trời đều hoan hỷ khen ngợi rằng: "Ta nhờ nhân duyên thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật nên được sanh lên cõi trời tốt đẹp này. Hôm nay, vị Thánh đệ tử kia cũng thành tựu niêm tin thanh tịnh không lay chuyên đôi với Phật, do nhân duyên này vị ấy sẽ sanh lên cõi trời tốt đẹp nay?5 Có niêm tin thanh tinh không lay chuyên đôi với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới cũng nói như vậy. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1125. BỐN PHÁP Dự LƯU12

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.

Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:

Có bốn pháp đưa đến chứng quả Tu-đà-hoan. Đó là gần gũi thiện tri thức, lăng nghe Chánh pháp, chuyên chú tư duy và tuần tự thực hành theo pháp.13

Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

10 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1124. 0298ỒỒ24). Tham chiếu: s. 55.36 - v. 394. 11 Bất hoại tịnh (aveccappasãdà). Xem chú thích 10, kinh sổ 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (r02. 0099.344.0094002). 12 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1125. 0298c04). Tham chiếu: s. 55.50 - v. 404; S. 55.55 -V. 410. 13 Nguyên tác: Pháp thứ pháp hướng ().Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp. (T.02. 0099.27. 0005c2CỘ.

QUYỂN 41 1235

1126. BỐN PHÁP TU-ĐÀ-HOÀN14 Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Có bon pháp thành tựu quả vi Tu-đà-hoàn. Là bốn pháp nào? Đó là thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển15 đối với Phật, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp, thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Tăng và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là phẩm vị của bậc Tu-đà-hoàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1127. THÀNH Tựu BỐN PHÁP16 y Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước X£ve. Bay giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: -Nếu người nào thành tựu bốn pháp thì biết người đó là Tu-đà-hoàn. Thành tựu bốn pháp

nào? Là thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Phật, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp, thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Tăng và thành tựu Thánh giới. Đó gọi là người thành tựu bốn pháp, nên biết vị ấy là bậc Tu-đà-hoàn. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kỉnh vừa nói Không phân biệt, cũng vậy, các kinh Phân biệt nói về Tỳ-kheof Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-naf Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, ưu-bd-di, người nào thành tựu bon pháp thì nên biết họ là bậc Tu~đà-hoànf moi kinh đều nói đủ như trên. ***

1128. BỐN QUẢ SA-MÔN (l)17 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. 14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1126. 0298c09). Tham chiếu: s. 55.46 - v. 403. 15 Bất hoại tịnh (aveccappasãdă). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (r02. 0099.344.0094002). 6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1127. 0298bl4). Tham chiếu: s. 55.2 - v. 343. 17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1128. 0298c23). Tham chiếu: s. 55.55 - v. 410; 5. 55.56-58 -V. 411.

Á • Á r-ri A L? _ L _ rrn_>_ 1 _L _ _ _ Bây giơ, Thê Tôn bảo các Ty-kheo: Có bốn quả Sa-môn. Là bốn quả nào? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đàhàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1129. BỐN QUẢ SA-MÔN (2)18 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-ve J Á • >_ npi Á rip L 2 _ _ 2 _ np l 1 _ _ Bay giờ5 The Ton bao các Tỳ-kheo: Có bốn quả Sa-môn. Là bốn quả nào? Đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà- hàm, quả A-na-hàm và quả A-la-hán. Thế nào là quả Tu-đà-hoàn? Đoạn trừ ba kiết sử, gọi là Tu-đà-hoàn. Thế nào là quả Tư-đà-hàm? Đoạn trừ ba kiết sử, giảm thiểu tham, sân, si, gọi là Tư-đà-hàm. Thế nào là quả A-na-hàm? Đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, gọi là quả A-na-hàm. Thế nào là quả A-la-hán? Nếu người nào dứt sạch tham dục, sân hận, ngu si và tất cả phiền não, gọi là A-la-hán. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

1130. NHỚ NƠI CHÚNG QUẢ19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Nêu ở một nơi nào đó, có Tỳ-kheo đi kinh hành ở tại nơi đó và chứng một trong bốn quả Sa-môn thì sau khi qua đời, Tỳ-kheo ấy sẽ nhớ nơi đó. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. Như kinh nói về chỗ kinh hành, cũng vây, các kinh nói về chỗ đứng, chỗ ngoi, chỗ nam nội dung cũng như trên. Như kỉnh nói về Tỳ-kheo trên, cũng vậy, các kỉnh nói về Tỳ-kheo-nif Thứcxoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, ưu-bà-dif mỗi loại có bốn kinh, nội dung cũng như trên. ***

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02.0099.1129.0298c28). Tham chiếu: s. 55.55-58 - V. 410-11. 19 Tựa đề đặt theo nội dimg kinh. Tạp. à(r02. 0099.1130. 0299a09).

1131. BỐN LOẠI THỨC ĂN (2)20 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: —Có bốn loại thức ăn để an lập, nuôi dưỡng và duy trì bốn đại của chúng sanh. Là bốn loại nào? Đó là đoàn thực, xúc thực, ý tư thực và thức thực. Cũng vậy, có bôn loại phước đức thâm nhuân, pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Là bon loại nào? Đó là thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển21 đôi với Phật, đây là phước đức thâm nhuân, pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp, đối với Tăng và đôi với Thánh giới là phước đức thâm nhuân, pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1132. PHƯỚC ĐỨC THẤM NHUẦN (l)22 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kneo: (Giống như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn SQ"): -Thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật là phước đức thấm nhuần, pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển23 đối với Pháp, [đối với Tăng], Đối với các pháp đã được nghe luôn thấy vừa ý, ưa thích, nhớ nghĩ, đồng thời thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Thánh giới. Đó là phước đức thấm nhuần, pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1131. 0299al7). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.838. 0214C25); s. 55.31 - v. 391. 21 Bất hoại tịnh (,Aveccappasādd). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (r02. 0099.344. 0094b02). 22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1132. 0299a25). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.840. 0215a09);k 55.32-V. 391. 23 Bất hoại tịnh (,Aveccappasãdà). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (r02. 0099.344. 0094002).

1133. LÌA TÂM BON XẺN24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, The Ton bao các Ty-kheo: (Giống như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau): -Thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển25 đối với Phật là phước đức thấm nhuần, là pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp, [đối với Tăng]. Đối với cấu uế xan tham là thứ trói buộc chúng sanh thì tâm xa lìa những cấu uế xan tham rồi an trụ và thực hành bố thí rộng rãi, thường xuyên bố thí, vui trong bo thí và bình đẳng bố thí, đồng thời thành tựu Thánh giới là phước đức thấm nhuần, là pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc. Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1134. TÍCH TỤ CÔNG ĐỨC26 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: (.Giong như kinh trên đã nói, chỉ khác biệt ở đoạn sau): Như vậy, nhờ bốn loại phước đức thấm nhuần, là pháp lành sung mãn, là thức ăn cho sự an lạc mà quả báo và công đức của vị Thánh đệ tử kia không thể ước lượng được. Phước như vậy, quả báo như vậy, vi

áy đạt được vô sô phước lợi, là cả một khối công đức to lớn, như kinh trước đã nói về ví dụ năm con sông,27... (cho đến) nói kệ.28 Đức Phật nói kinh này xong, các Ty-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1133. 0299b02). Tham chiếu: Tạp.(102. 0099.840. 0215a09); s. 55.32 - v. 391. 25 Bất hoại tịnh (,Aveccappasādd). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (T.02. 0099.344. 0094b02). 26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1134. 0299Ồ09). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.840. 0215a09); y 55.32 - v. 391. 27 Tạp.(r.02. 0099.84L 0215al 8) nói về 5 con sông, gồm: Hằng hà (,Gañgā), Da-bồ-na (,Yāmunā), Tát-la-do (Sarabhū), Y-la-bạt-đê d,Aciravatī) và Ma-hê (,Mahī). 28 Đó là bài kệ trong kinh số 841; Tạp.(T.02. 0099.841. 0215al8).

1135. BỐN MƯƠI THIÊN TỬ29 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, trời gân vê sáng, có bôn mươi thiên tử dung săc tuyệt đẹp đi đên chỗ Phật, cúi lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. npl Á rp A 19 r ji • /V J 9 Á ò

The Ton bao các thiên tử áy răng: -Lành thay! Lành thay! Các thiên tử! Các vị đã thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng và đối với Thánh giới. Khi ấy, có một thiên tử đứng dậy, sửa lại y phục, cúi lạy sát chân Phật rồi chắp tay bạch rang: - Kính bạch Thế Tôn! Con đã thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Phật,30 nhờ công đức này nên khi qua đời con được sanh lên cõi trời. Một thiên tử khác thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Con đã thành tựu niềm tin thanh tinh không lay chuyển đối với Pháp, nhờ công đức này nên khi qua đời con được sanh lên cõi trời. Một thiên tử khác lại thưa: - Kính bạch Thế Tôn! Con đã thành tựu niềm tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Tăng, nhờ công đức này nên khi qua đời con được sanh lên cõi trời. Một thiên tử khác thưa: Kính bạch Thế Tôn! Con đã thành tựu Thánh giới, do công đức này [nên] khi qua đời con được sanh lên cõi trời. Bấy giờ, ở trước Phật, bốn mươi thiên tử lần lượt trình bày quả Tu-đà-hoàn của mình xong, liên biên mát. Giông như kinh Bôn mươi vỉ thiên tử, cũng vây, các kinh nói vê Bôn trăm thiên tử, Tám trăm thiên tử, Mười ngàn thiên tử, Hai mươi ngàn thiên tửf Ba mươi ngàn thiên tử, Bon mươi ngàn thiên tử, Năm mươi ngàn thiên tử, Sáu mươi ngàn thiên tửf Bảy mươi ngàn thiên tử, Tám mươi ngàn thiên tử, tất cả đều ở trước Phật lần lượt trình bày về quả Tu-đà-hoàn của mình xong, liền biến mất. ***

29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1135. 0299Ồ16). Tham chiếu: s. 55.20 - v. 367. 30 Bất hoại tịnh (,Aveccappasāda). Xem chú thích 10, kinh số 344, quyển 14, tr. 397; Tạp. (T.02. 0099.344.0094002).

1136. VÍ DỤ MẶT TRĂNG31 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá.32 Bây giờ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Hãy giống như mặt trăng, như người mới học, khi đi vào nhà người thì các thầy phải nhiếp tâm?

kiểm thúc thân, biết hổ biết thẹn, luôn khiêm hạ. Như người mắt sáng khi lội vực sâu hay leo lên đỉnh núi thì phải chú tâm, giữ gìn thân, dè dặt từng bước. Cũng vậy, Tỳ-kheo các thầy phải tu tập giông như mặt trăng, như người mới học, khi đi vào nhà người thì phải nhiếp tâm, kiểm thúc thân, biết hổ biết thẹn, luôn khiêm hạ. Tỳ-kheo Ca-diếp được ví như mặt trăng, như người mới học, vì khi đi vào nhà người thầy ấy luôn điều phục tâm, chế ngự thân, biết hổ biết thẹn, luôn khiêm hạ. Cũng giống như người mắt sáng khi lội vực sâu hay leo lên đỉnh núi thì phải chú tâm, giữ gìn thân, bước đi trong chánh niệm tỉnh giác. Phật lại bảo các Tỳ-kheo: Ý thầy nghĩ sao? Như thế nào là một Tỳ-kheo xứng đáng khi đi đến nhà người? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật bảo các Tỳ-kheo: -Hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng cho các thầy. Nếu có Tỳ-kheo nào đi đến nhà người mà tâm không dính mắc, không bi trói buộc, không tham đắm dục lạc, thấy người khác được lợi, người khác làm việc công đức thì trong lòng hoan hỷ như chính mình có được, không sanh tâm ganh tị, cũng không tự đề cao mình mà hạ thấp người. Tỳ-kheo phải có tâm như vậy mới nên vào nhà người. Bấy giờ, Thế Tôn đưa bàn tay vẫy giữa hư không rồi hỏi các Tỳ-kheo: Bàn tay này của Ta có bi dính, bị trói hay bị nhiễm bởi hư không chăng? Tỳ-kheo bạch Phật: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo Tỳ-kheo: Pháp tu tập của Tỳ-kheo phải luôn như vậy, khi vào nhà người phải giữ tâm không dính mắc, không ràng buộc, không đắm nhiễm. Tỳ-kheo Ca-diếp khi vào

3l_Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(J.02 0099.H36. 0299c06). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.111. MìÂaìSy, Nguyệt dụ kinh (T.02. 0121. 0544b 12); 5. 16.3-II. 197.
Bản Tống, Nguyên, Minh: Vương Xá thành ().

nhà ngưòd là không có tâm dính mắc, không bị ràng buộc và không đắm nhiễm. Khi thấy người khác được lợi, người khác làm việc công đức thì trong lòng hoan hỷ như chính mình làm được, không sanh tâm ganh ti, cũng không tự đề cao mình mà hạ thấp người. Tỳ-kheo Ca-diếp thật xứng đáng đi vào nhà người. Bấy giờ, Thế Tôn lại đưa bàn tay vẫy giữa hư không rồi hỏi các Tỳ-kheo: -Ý các thầy thế nào? Bàn tay này của Ta có bị dính, bị trói hay bị nhiễm bởi hư không chăng? Các Tỳ-kheo bạch Phật: - Thưa không, bạch Thế Tôn! Phật bảo [các] Tỳ-kheo: -Tỳ-kheo Ca-diếp luôn có tâm như vậy, khi vào nhà người với tâm không dính mắc, không ràng buộc và không đắm nhiễm. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế nào là Tỳ-kheo thuyết pháp thanh tịnh? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thầy. Nếu có Tỳ-kheo nào thuyết pháp cho người khác mà khởi tâm nghĩ như vầy: “Ta đã vì người kia thuyết pháp, thế nên họ phải khởi tâm kính tin đối với ta roi cúng dường y phục, thức ăn uông, ngọa cụ và thuôc thang trị bệnh cho ta.” Ai thuyết pháp như vậy gọi là thuyết pháp không thanh tịnh. Nếu lại có Tỳ-kheo nào

thuyết pháp cho người và khởi nghĩ như vầy: “Giáo pháp Thế Tôn, thiết thực hiện tại, lìa mọi nóng bức, không đợi thời gian, dẫn đến Niết-bàn và được người trí tự mình giác hiểu;33 ĩihtrng chúng sanh đang bị đắm chìm trong cảnh già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, nếu họ nghe được Chánh pháp sẽ được nhiều lợi ích và an lạc lâu dài. Nay ta đem Chánh pháp này giảng nói cho người vì tâm từ bi, vì lòng thương xót, vì lòng ai mẫn, với tâm nguyện mong muốn Chánh pháp được trụ lâu ở đời, đó gọi là thuyết pháp thanh tịnh. Tỳ-kheo Ca-diếp mới có tâm thanh tịnh đem Giáo pháp và Giới luật của Như Lai giảng nói cho người... (cho đến) với tâm nguyện mong muốn Chánh pháp được trụ thế lâu dài mà vì người thuyết pháp.

33 Nguyên tác: Thế Tôn hiển hiện Chánh pháp, Luật, ly chư xí nhiên, bất đãi thời tiết, tức thử hiện thân, duyên tư giác tri, chánh hướng Niết-bàn (,,).Xem chú thích 59, kinh số 550, quyển 20, tr.
610; Tạp.(T.02. 0099.550. 0143bl8).

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học điều này, nên giảng nói Giáo pháp và Giới luật của Như Lai như vậy... (cho đến) với tâm nguyện muốn cho Chánh :.v L pháp được trụ lâu ở đời mà vì người thuyêt pháp. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

1137. VÀO NHÀ THÍ CHỦ34 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giơ, The Ton bảo các Tỳ-kheo: Nếu có Tỳ-kheo nào muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vầy: "Người kia sẽ bố thí cho ta chứ không phải không bố thí, bố thí vì cung kính3536 chứ không phải vì dối gạt bố thí nhiều chứ không phải ít, bố thí thức ăn ngon chứ không phải thức ăn dở, bố thí nhanh chóng chứ không phải chậm rãi9\ với tâm như vậy mà đến nhà người, nếu họ không bố thí... (cho đến) bố thí chậm rãi thì tâm của Tỳ-kheo này sẽ bị tủi nhục. Vì lý do này nên tâm của Tỳ-kheo ấy bị thoái thất, tự sanh chướng ngại. Nếu lại có Tỳ-kheo muốn vào nhà người mà khởi nghĩ như vầy: "Người xuất gia đến nhà người, do đâu mà được bố thí chứ không phải không bố thí? Do đâu mà được bố thí cung kính chứ không phải dối gạt? Do đâu mà được bố thí nhiều chứ không phải ít? Do đâu mà được bố thí thức ăn ngon chứ không phải thức ăn dở? Do đâu mà được bố thí nhanh chóng chứ không phải chậm rai?" Nghĩ như vậy mà đến nhà người, nếu người kia không bố thí... (cho đến) bố thí chậm rãi thì tâm của Tỳ-kheo này sẽ không bị tủi nhục, cũng không bị thoái thất, không sanh chướng ngại. Tỳ-kheo Ca-diếp thường nghĩ như vậy khi đến nhà người. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học điều này, thường nghĩ như vậy khi vào nhà người: "Người xuất gia khi đến nhà người, do đâu mà được bố thí chứ không phải không bố thí?... (cho đến) bố thí nhanh chóng chứ không phải chậm I•i?" Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

34 Tựa đề được đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1137. 0300a22). Tham chiếu: Biệt Tạp. B (T.02. Ó100.112. 0414C12); S. 16.4-II. 200. 35 Nguyên tác: Đốn ():Gọi là cúi đầu tiếp đất (). 36 Nguyên tác: Tiệm ():Lừa dối, không thành thật ().

1138. KHÔNG TRANH TỤNG37 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xa-VQ* Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đông Viên,38 thuộc nước Xá-vệ. Vào buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo Tôn giả: Thầy nên thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Vì sao như vậy? Vì Ta thường thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Thầy cũng nên như thế. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đời nay rất khó khuyên dạy các Tỳ-kheo, bởi vì họ không kham nhẫn lắng nghe lời dạy bảo. Phật bảo Ma-ha Ca-diếp: Do nhân duyên gì mà thầy nói như vậy? Ca-diếp bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Con thấy có hai Tỳ-kheo? đó là Bàn-tni39 đệ tử của A-nan và A-phù-tỳ40 đệ tử của Đại Mục-kiền-liên. Hai Tỳ-kheo ấy cùng tranh luận về sự học rộng biết nhiều, họ nói: "Thầy hãy đến luận nghị với tôi để xem ai hiểu biết nhiều hơn? Hiểu biết của ai thù thắng hơn?,, Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt, quạt hầu sau Phật, liền nói với Tôn giả Ca-diep: -Thưa Tôn giả Ca-diếp! Hãy thôi đi! Tôn giả Ca-diếp! Hãy nhẫn đi. Các Tỳ-kheo trẻ này trí tuệ cạn mỏng, tam thường. Tôn giả Ca-diếp nói với A-nan: A-nan thây nên im lặng, chớ đê tôi đem việc thây ra hỏi giữa chúng Tăng! Tôn giả A-nan liền im lặng. Bấy giờ, đức Phật bảo một Tỳ-kheo: -Thầy hãy đi đến chỗ Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tỳ nói rằng: "Dại sư truyền gọi hai thây!”

37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1138. 0300ỒỒ09). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100113. 0415a05);"g.(r.02. 0125.31.11. 0673a01); s. 16.6 - II. 203. 38 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, ư. 62; Tạp.(T.02. 0099.58. 0014bl2). 39 Bàn-trù (Bhanda). 40 A-phù-tỳ (,Abhijika).

Tỳ-kheo ấy vâng lời Phật, đi đến chỗ hai Tỳ-kheo kia nói rằng: "Đại sư truyền gọi hai thầy!" Tỳ-kheo Bàn-trù và A-phù-tỳ đáp: "Kính vâng!" Rồi liền đi đến chỗ Phật, đảnh lê sát chân Ngài và ngôi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn hỏi hai Tỳ-kheo: -Có phải là hai thây đã cùng tranh luận với nhau đê xem ai hiêu biêt nhiêu hơn? Hiểu biết của ai thù thắng hơn phải không? Hai Tỳ-kheo bạch Phật: Thật đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo: Các thầy có đem những pháp mà Như Lai đã dạy như Khế kinh,41 Trùng tụng/2 Thọ ký,4143 Cô khởi,44 Tự thuyết,45 Nhân duyên/6 Thí dụ54748 42 49 Bổn sự,48 Bổn sanh,49 Phương quảng,5051 Vị tằng hữu,51 Luận nghi52 để tranh luận với nhau xem ai hiểu biết nhiều, ai hiểu biết thù thắng hơn không? Hai Tỳ-kheo bạch Phật: Thưa không, bạch Thế Tôn!

41 Nguyên tác: Tu-đa-la Suttày Khế kinh . 42Nguyên tác: Kỳ-dạ Geyya:
Thể kệ lặp lại nội dung đoạn kinh trước, gọi là "Trùng tụng^, Ko*c “ứng .... J 43
Thọ ký Veyyākarana: Thể loại này lúc ban đầu được đức Phật dùng để xác định hoặc giải thích giao pháp, về sau nhằm xác định quả vị tu chứng của hàng đệ tử, còn gọi là 44Thọ qùyếf,, “Tho Sý” “Ky biêt” , 44 Nguyên tác: Già-đà

Gāthā'. Thể loại kinh văn thể hiện thông qua thi kệ như Kỉnh Pháp củ, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Nỉ kệ,... 45 Nguyên tác: Ưu-đà-na Udānà: Tự thuyết ,Vô vấn tự thuyết . 46 Nguyên tác: Ni-đà-na Nidānà'. Nhân duyên.
Theo Đại trí độ luận 25. 1509.033. 0307b05: Ni-da-na nghĩa là giáo pháp mà chư Phật nói vốn phát khởi từ nhân duyên. Do nhân duyên gì mà Phật nói về việc đó. Do có người hỏi nên nói việc này Theo Luật tạng, vì co người phạm lôi này nên đã kiêt giới đó. Tát cả lời dạy của đức Phật đều phát khởi từ nhân duyên nên gọi là ,§:.., ể 47 Nguyên tác:
A-ba-đà-na ,Avadāna: Thí dụ là thể tài kinh điển dùng ví dụ để chứng minh, còn gọi là "Soạn 11ỊC". J 48 Nguyên tác: Y-đế-mục-đạ-già Itivuttakà'. Bổn sự còn gọi là "Thiên bổn,9 ,4íỂỔn mạt" ,• "b6ii kh&i" . 49 Nguyên tác: Xà-đà-già H ,Jātakà\ Bổn sanh ,cũng gọi là "Sanh kinh","Sanh xứ" ,"b6ĩi duyên" . J— 50 Nguyên tác: Tỳ:phú-la Vedallậy. Phương quảng ,cũng gọi là "Qung kinh", í4Phương đẳng?, ,"Quảng ải" . 51 Nguyên tác: A-phù-đa-đạt-ma ,Abbhutadhammā, chỉ cho thể loại giáo pháp vô cùng hy hưu và bất khả tư nghì. J J 52 Nguyên tác: Ưu-ba-đề-xá Upadesà, là thể tài kinh điển nhằm mở rộng nghĩa lý từ những lời dấy cô đọng của đức Phật, còn được gọi là "QÍiảng di3n" ,"Quảng phổ,;,4tLuān nghr j, "Thuyết nghía" . J

QUYỂN 41 1245

Đức Phật hỏi hai vị Tỳ-kheo: Như vậy là các thây không đem những Khê kinh... (cho đêri) Luận nghi của Ta đã nói để tự điều phục, tự chấm dứt và tự cầu Niết-bàn phải không? Hai Tỳ-kheo bạch Phật: - Thưa đúng vậy, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo: Các thầy đã biết Ta nói những Khế kinh... (cho đến) Luận nghị, vậy mà hai thầy là những người si mê nên mới tranh luận ai hiểu biết nhiều, ai hiểu biết hơn. Bấy giờ, hai Tỳ-kheo ấy liền đến trước đức Phật đảnh lễ sát chân Ngài và bạch rằng: Kính bạch Thế Tôn! Chúng con xin sám hối! Kính bạch Thiện Thệ! Chúng con xin sám hối! Chúng con vì mê muội, không khéo nhận biết nên mới tranh luận với nhau. Phật bảo hai Tỳ-kheo: Các thầy đã thành thật hối lỗi vì đã mê muội không khéo nhận biết mà tranh luận với nhau. Nay các thầy đã tự biết có tội5 tự thấy có tội, tự thấy biết và sám hối rồi thì trong đời vi lai, luật nghi giới của các thầy sẽ sanh khởi. Nay Như Lai thương xót chấp thuận sự sám hối, là vì muốn cho hai thầy tăng trưởng thiện pháp trọn đời không suy giảm. Vì sao như vậy? Bởi vì người nào tự biết có tội5 tự thấy có tội, tự thấy biết và sám hối tội thì trong đời vị lai, luật nghi giới của người ấy sẽ sanh khởi, thiện pháp tăng trưởng không bao giờ suy giảm. Hai vi Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

1139. KHÔNG CÓ NIỀM TIN53

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mau ở

Đông Viên,54 thuộc nước Xá-vệ.
Vào buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả đi đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân
Ngài rồi ngồi xuống một bên.
53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1139. 0300c23). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02.0100114.0425b23);5. 16.7-IL205. 54 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr.62; Tạp.(02. 0099.58. 0014bl2).

Khi ấy, Phật bảo Ca-diếp: Thầy nên thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Vì sao như vậy? Vì Ta thường thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Thầy cũng nên như thế. Tôn giả Ca-diếp bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Ngày nay rất khó thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy các Tỳ-kheo. Nếu ai thuyết pháp sẽ có Tỳ-kheo không kham nhẫn, không hoan hỷ. Phật hỏi Tôn giả Ca-diếp: Do nhân duyên gì mà thầy nói như vậy? Tôn giả Ca-diếp bạch Phật: Kính bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo không có lòng kính tin đối với các pháp lành, dù có nghe thuyết pháp thì họ cũng bị thoái thất. Nếu gặp người có trí tuệ kém cỏi? đôi với các pháp lành mà họ không có tinh tân, không biêt hổ thẹn, không có trí tuệ, dù có nghe pháp thì họ cũng thoái thất. Hoặc đối với người có tâm tham dục, sân hận, mê ngủ, trạo cử, nghi hoặc, thân hành thô bạo, phẫn hận, thất niệm, bất định, vô trí, dù họ có nghe pháp thì cũng bi thoái thất. Kính bạch Thế Tôn! Những người kém cỏi như thế còn không thể khiến tâm an tru ở pháp lành, huống là tăng tiến! Nên biết hạng người này mỗi ngày pháp lành càng thoái giảm, không thể tăng trưởng. Kính bạch Thế Tôn! Nếu người nào có niềm tin thanh tịnh đối với các pháp lành sẽ không bị thoái giảm. Nếu người nào đối với pháp lành luôn luôn tinh tấn, biết hổ thẹn, có trí tuệ sẽ không bi thoái giảm. Nếu người không còn tham, không sân hận, không thụy miên, không trạo cử, không nghi hoặc, người ấy không bị thoái giảm. Nếu người nào thân không có hành vi thô tháo, tâm không ô nhiễm, không phẫn, không hận, thường định tâm, chánh niệm, trí tuệ sẽ không bị thoái giảm. Những người như thế, không những ngày đêm tâm thường an trú trong các pháp lành mà còn được tăng trưởng, thường cầu tăng tiến, trọn đời không thoái chuyển. Đức Phật nói với Tôn giả Ca-diếp. Đúng vậy, đúng vậy! Người nào không có lòng tin đối với pháp lành sẽ bị thoái giảm... (tuần tự như đoạn trên Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đã nói). Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ca-diếp nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

1140. CA NGỢI THIỆN HẠNH55 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. r e r e Bây giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diêp đang ngụ tại giảng đường Lộc Tử Mâu ở Đông Viên/6 thuộc nước Xá-vệ. Vào buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả đi đến chỗ Phật đảnh lễ sát chân Ngài rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Thế Tôn bảo Tôn giả Ca-diếp: Thầy nên thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Vì sao như vậy? Vì Ta thường thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Thầy cũng nên như thế. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngày nay rất khó thuyết pháp, giáo giới và khuyên dạy cho các Tỳ-kheo. Nếu có

Tỳ-kheo nào nghe thuyết pháp cũng không thể kham nhẫn, không hoan hỷ. Phật bảo Tôn giả Ca-diếp: Do nhân duyên gì mà thầy nói như vậy? Tôn giả Ca-diếp thưa: Thế Tôn là cội nguồn của giáo pháp, là pháp nhãn, là nơi y cứ của giáo pháp. Kính mong Ngài thuyết giảng cho chúng con! Các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ và phụng hành. Phật bảo Tỳ-kheo: Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng nói cho các thày. Thuở xưa, Tỳ-kheo A-lan-nhã57 là những Tỳ-kheo sống trong rừng vắng thì khen ngợi pháp A-lan-nhã; là những Tỳ-kheo đi khất thực thì khen ngợi công đức khất thực; là những Tỳ-kheo mặc y phấn tảo thì khen ngợi công đức của y phấn tảo. Những Tỳ-kheo sống thiểu dục, tri túc, tu hạnh viễn ly, nỗ lực tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, tự thân tác chứng dứt sạch lậu hoặc... thì tùy theo sở hành của mình mà khen ngợi về sở hành đó. Này Ca-diêp! Nêu Tỳ-kheo sông trong rừng văng và khen ngợi pháp A-lan- nhã... (cho đến) Tỳ-kheo dứt sạch lậu hoặc thì khen ngợi tự thân tác chứng dứt sạch lậu hoặc. Nếu gặp những Tỳ-kheo như vậy nên trò chuyện, ân cần tiếp đón

55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1140. 030la20). Tham chiếu: Biệt x (roi 0l00ll5. 041Ỉ5C18); s. 16.8 -II. 208. 56 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường ().Xem chú thích I2l, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; Tạp.(T.02. 0099.58. 00l4bl2).
57 A-luyện-nhã (Arañño) còn gọi là A-lan-nhã, nghĩa là không tranh chấp, không ồn ào, vắng lặng, nhàn tịnh, rừng vắng, núi sau,...

và tùy nghi thăm hỏi rằng: "Thầy tên gì? Đệ tử của ai?" Rồi nhường chỗ mời ngồi và tán thán đức hiền thiện của họ, đồng thời khen ngợi pháp thực hành của họ là đúng nghĩa Sa-môn, hợp với mong cầu của Sa-môn. Khi khen ngợi như vậy, nếu người kia đồng ý cùng ở chung, cùng đi chung, liền quyết định thuận theo sự tu tập của người đó, chắc chắn không bao lâu sẽ đạt được sự thấy biết và sở nguyện giống người kia. Phật nói với Ca-diếp: Nếu Tỳ-kheo trẻ tuổi gặp Tỳ-kheo A-lan-nhã đó phải đến tán thán pháp A-lan-nhã... (cho đếri) gặp Tỳ-kheo đã tự thân tác chứng dứt sạch lậu hoặc, Tỳ-kheo trẻ tuổi kia phải đứng dậy nghinh tiếp, cung kính lễ bái, thưa hỏi... (cho đến) cùng ở chung với họ, không bao lâu chính mình sẽ được nhiều lợi ích. Người nào cung kính như thế mãi mãi sẽ được lợi ích an lạc. Phật bảo Tôn giả Ca-diếp: Ngày nay, Tỳ-kheo trẻ tuổi nào gặp vị Tỳ-kheo đại trí, đại đức có khả năng cảm hóa và có được các tài lợi như y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang liền cung kính hỏi thăm và khen ngợi rằng: "Quý hóa thay! Ngài đến đây. Ngài tên gì? Là đệ tử của ai?" Tán thán phước đức của vị ấy có thể cảm hóa được lợi lớn như y phục, thức ăn uông, giường năm, thuôc thang. Vì Tỳ-kheo này nghĩ rằng nếu ta gần gũi Tôn giả ấy thì cũng sẽ được đầy đủ những y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang. Nếu lại có Tỳ-kheo trẻ tuổi nào gặp vị Tỳ-kheo đại trí, đại đức đi đến và biết vị ây có khả năng cảm hóa và có được những tài lợi như y phục, thức ăn uông, giường nằm, thuốc thang nên mau chóng đứng dậy nghinh đón, cung kính thăm hỏi và khen ngợi: "Thật quý thay! Bậc đại trí, đại dức, có thể cảm hóa và có được lợi lớn về y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc thang." NAy Ca-diếp! Tỳ-kheo trẻ tuổi nào có tâm như vậy thì luôn luôn bi đau khổ, không có lợi ích. Thật vậy, này Ca-diếp! Những Tỳ-kheo đó là mầm bệnh của Sa-môn, là sự chìm

đam của Phạm hạnh, là sự chướng ngại lớn lao, là pháp ác5 bát thiện, là tai họa của phiên não, két thêm các pháp hữu lậu nên bị sanh tử thiêu đốt, ở đời tương lai phải chịu nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. r __ r Thê nên, này Ca-diêp9 phải học tập như vây: Nên khen ngợi, xưng tán những Tỳ-kheo A-lan-nhã ở tru xứ a-lan-nhã, mặc y phấn tảo, đi khất thực, ít muôn biêt đủ, tu hạnh viên ly, siêng năng tinh tân, chánh niệm, chánh định, chánh trí, tự thân tác chứng dứt sạch lậu hoặc, nên học tập như thế. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ca-diếp nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

QUYÊN 41 1249

1141. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIÉP (l)58 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp dang trú tại giảng đường Lộc Tử Mau ở Đong Viên,59 thuộc nước Xá-vệ. Vào buổi chiều, sau khi xả thiền, Tôn giả đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Ma-ha Ca-diếp: -Nay thầy đã lớn tuổi, các căn suy yếu, y phấn tảo nặng nề, y của Ta vừa nhẹ vừa tốt, nay thây hãy ở lại trong chúng, đáp chiêc y hoại sắc nhẹ nhàng này do cư sĩ dâng cúng. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp thưa: -Bạch Thế Tôn! Con lâu nay tu tập hạnh A-lan-nhã? khen ngợi hạnh A-lan- nhã, đắp y phấn tảo và đi khất thực. Đức Phật hỏi Ma-ha Ca-diếp: -Thầy thấy lợi ích gì60 mà tu tập hạnh A-lan-nh khen ngợi hạnh A-lan- nhã? đắp y phấn tảo, đi khất thực, khen ngợi y phấn tảo và pháp khất thực? Tôn giả Ma-ha Ca-diếp thưa: -Bạch Thế Tôn! Con thấy có hai lợi ích: Được an lạc trong hiện tại và làm gương cho chúng sanh tương lai. Chúng sanh đời sau sẽ nghĩ như vay: "Trước dây, Thượng tọa có đủ sáu thần thông, xuất gia lâu năm, Phạm hạnh thuần thục, được Thế Tôn khen ngợi, được những bậc trí tuệ Phạm hạnh phụng sự mà vẫn thường tu tập hạnh A-lan-nhã, khen ngợi hạnh A-lan-nhã, đáp y phân tảo, đi khất thực, khen ngợi y phấn tảo và pháp khất thỊrc." Người nào nghe được điều này? tâm họ sẽ thanh tịnh và tùy hỷ, lúc nào cũng được an lạc và lợi ích. Đức Phật bảo Ca-diếp: -Lành thay! Lành thay! Ca-diêp! Thây là người lâu nay đem lại nhiêu lợi ích và an lạc cho chúng sanh, thương xót thế gian, đem lại nhiều an lạc cho trời và người. Đức Phật lại bảo Ca-diếp: Nếu có ai hủy báng pháp Đầu-đà61 tức là hủy báng Ta. Nếu có ai khen ngợi pháp Đầu-đà tức là khen ngợi Ta. Vì sao như vậy? Vì pháp Đầu-đà là pháp

58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1141. 0301c07). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100.Ì16. 0416b08); Tăng.(T.02. 0125.12.6. 0570a23); TWg.(7L02. 0125.41.5. 0746a21); S. 16.5 - IL 202. 59 Đông Viên Lộc Tử Mầu giảng đường ().Xem chú thích 121, kinh số 58, quyển 2, tr. 62; Tạp.(02. 0099.58. 0014012).
” 60 Nguyên tác: Cơ chủng nghĩa ().Tham chiếu: s. 16.5 - II. 202: Atthavasa (Lợi ích gì). Biệt Tạp. (02. 0100.116. 0416b17): Ha nghĩa lợi (). 61 Đầu-đà (,Dhũtà).

1250 KINH TẠP A-HÀM

. r r r e

mà Ta thường khen ngợi, tán dương. Thê nên, này Ca-diêp? đôi với hạnh A-lan- nhã, hãy nên khen ngợi hạnh A-lan-nhã; đối với pháp đắp y phấn tảo và đi khất thực, hãy

nên khen ngợi pháp đắp y phấn tảo và đi khất thực! Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diêp nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ rồi lui ra. ***

1142. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIÉP (2)62 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp sống lâu trong rừng vắng63 thuộc nước Xá-vệ? râu tóc mọc dài, đắp y phấn tảo, đi đến chỗ Phật trong lúc Ngài đang thuyết pháp cho vô số đại chúng vây quanh. Các Tỳ-kheo thấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp từ xa đi đến, thấy rồi liền khởi tâm khinh mạn và nói rằng: "Dây là hạng Tỳ-kheo gì vậy? Y áo toi tàn, đen đây mà chẳng có dung nghi, đen đây mà y áo xốc xếch r Đức Phật biết được tâm niệm của các Tỳ-kheo5 liền bảo Ma-ha Ca-diếp: Hãy đến đây, Ca-diếp! Hãy ngồi xuống nửa tòa này. Ta nay không64 biết ai là người xuất gia trước. Thầy ư? Ta ư? Khi đó, các Tỳ-kheo kinh hãi, toàn thân sởn gai ốc? nói với nhau: Kỳ lạ thay! Vị đó chính là Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, đệ tử của Đại sư, đức độ lớn, thần lực lớn, được Thế Tôn mời ngồi nửa tòa. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngài là thầy của con, con là đệ tử. Đức Phật bảo Ca-diếp: Đúng vậy, đúng vậy! Ta là Đại su, thầy là đệ tử. Bây giờ, thầy hãy ngồi xuống đây, nơi chỗ an ổn này. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, ở trước đại chilng, Thế Tôn vì muốn cảnh tỉnh các Tỳ-kheo? liền đem công đức rộng lớn, thù thăng mà Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đã chứng đắc như Ngài mà bảo các Tỳ-kheo: Ta ly dục, ly pháp ảc, bát thiện, có giác có quán, an trú trọn vẹn Thiên thứ nhất vào ban ngày, hoặc ban đêm, hoặc cả ngày đêm thì Ma-ha Ca-diếp cũng

62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1142. 0302a01). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100*117. 0416C07); s. 16.9 - n. 210. 63 Nguyên tác: A-luyện-nhã sàng tọa xứ (•.).Theo Biệt Tạp.(7.02. 0100.117. 0416c08): ở nơi biên địa, trải cỏ mà ngồi (). 64 Tạp A-ham kinh luận hội biên (K32. 0030.07. 0578a07) nghi ngờ bỏ quên chữ "bát"().Bổ sung dựa trên cơ sở này.

giống như Ta, cũng ly dục, ly pháp ác, bất thiện,... (cho đến) an trú trọn vẹn Thiền thứ nhất vào ban ngày, hoặc ban đêm, hoặc cả ngày đêm. Ta muôn an tru trọn vẹn Thiên thứ hai, Thiên thứ ba5 Thiên thứ tư vào ban ngày, hoặc ban đêm, hoặc cả ngày đêm thì Ma-ha Ca-diếp cũng như thế, muốn an trú trọn vẹn... (cho đến) Thiền thứ tư vào ban ngày, hoặc ban đêm5 hoặc cả ngày đêm. Ta tùy ý mình mà an tru trọn vẹn trong Từ, Bi, Hỷ, Xả, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cảnh giới thần thông được Thiên nhi, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí vào ban ngày, hoặc ban đêm, hoặc cả ngày đêm thì Tỳ-kheo Ma-ha Ca-diếp cũng như vậy, có thể tùy ý mình mà an tru trọn vẹn... (cho đến) Lậu tận trí vào ban ngày, hoặc ban đêm, hoặc cả ngày đêm. ở giữa vô số đại chúng, Thế Tôn đã khen ngợi công đức thắng diệu, rộng lớn của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đồng với mình như vậy. Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành. ***

1143. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIẾP (3)65 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn

giả A-nan tru trong núi Kỳ-xà quật. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và nói: Hôm nay, chúng ta hãy cùng ra khỏi núi Kỳ-xà quật, vào thành Vương Xá khất thực. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp im lặng đồng ý. Rồi hai Tôn giả đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Trên đường đi, Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp: -Trời còn quá sớm, chúng ta hãy ghé thăm tinh xá Tỳ-kheo-ni! Hai Tôn giả liền đi đến tinh xá ấy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-diêp và Tôn giả A-nan từ xa đi đên thì vội trải sàng tọa, thỉnh hai vị ngoi, cung kính đảnh lễ roi ngoi sang một bên. Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vì các Tỳ-kheo-ni mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ.66 Thế nhưng, sau khi Tôn giả vì các Tỳ-kheo-ni mà thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, làm cho hoan hỷ

65 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1143. 0302b02). Tham chiếu: Biệt Tạp. (roi OlOOll8. 04l7a23); s. 16.10-II. 214. 66 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ (,).Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp.(r.O2. 0099?92. 0023c18).

xong, có Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà67 không hoan hỷ, nói ra những lời khiếm nhã như vầy: -Tại sao thầy68 Ma-ha Ca-diếp lại thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo-ni trước mặt thầy A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni?69 Ví như thằng bé bán kim khâu lại đến nhà Thầy Ma-ha Ca-diếp cũng như thế, trước mặt người thợ làm kim khâu để bán.7071 A-nan Bề-đề-ha-mâu-ni lại thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo-ni. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nghe Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà thốt ra những lời khiếm nhã với tâm không hoan hỷ như thế, liền nói với Tôn giả A-nan: -Thầy đã thấy Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà thốt ra những lời khiếm nhã với tâm không hoan hỷ. Thế nào, A-nan? Thầy là thợ làm kim khâu, còn ta là thằng bé đem kim khâu đến bán cho thầy ư? Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diêp: Thôi, xin ngài hãy kham nhẫn! Bà ấy si mê5 trí tuệ kém cỏi, chưa biết tu tập. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói: - Này A-nan! Thầy có nghe Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết ở giữa đại chúng thuyết Kinh ví dụ mặt trăn^ để răn nhắc, khuyên dạy rằng: "Tỳ-kheo hãy sống như mặt trăng, như người mới tu hoe." (Nói rộng như vây). Có phải A-nan được nói là người sống như mặt trăng, như người mới tu học chăng? A-nan đáp: -Không phải, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! -A-nan! Thầy có nghe Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết dạy rằng: "Tỳ-kheo sống như mặt trăng, như người mới tu học thì chỉ có Tỳ-kheo Ma-ha Ca-diếp" chứ? A-nan đáp: -Đúng vậy, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! -Này A-nan! ở giữa vô lượng đại chúng, thầy có được Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Chanh Đẳng Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết mời ngồi chung tòa không? Lại nữa, Thế Tôn có khen ngợi thầy có công đức rộng lớn bằng Ngài không? Này A-nan! Thế Tôn có khen ngợi thày ly dục, ly pháp ác, bất thiện... (cho đến) lậu tận hay không?

67 Thâu-la-nan-đà (Thullanandā). 68 Nguyên tác: A-lê (Ācariyā). 69 A-nan Tỳ-đề-ha-mâu-ni (Vedehamuni Ānanda). Theo chú giải của ngài Buddhaghosa, đây là tôn hiệu của ngài A-nan, hàm nghĩa là bậc Thông tuệ (Panditā) của xứ Vedeha. 70 Xem J. III. 281, Sūcijātaka (Chuyện cây kim), số 387. 71 Xem Tạp.(r.O2. 0099.1136. 0299c06)

A-nan đáp: -Không có điều ấy, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Này A-nan! Có phải Thế Tôn, đấng Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác ở giữa vô lượng đại chúng, chính miệng Ngài nói: "Đến đây, Ma-ha Cadiếp! Mời thầy ngồi nửa tòa cùng Ta" chăng? Lại nữa, có phải ở giữa đại chúng, Thê Tôn khen ngợi Ma-ha Ca-diêp công đức rộng lớn băng Ngài và đã ly dục, ly pháp ác, bất thiện... (cho đến) lậu tận chăng? A-nan đáp: -Đúng vậy, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Khi ấy, ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni9 Tôn giả Ma-ha Ca-diếp rống lên tiếng rống sư tử như thế. ***

1144. TÔN GIẢ MA-HA CA-DIẾP 72 Tôi nghe như vầy: Một thời, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan trú tại núi Kỳ-xà quật, thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, Thế Tôn Niết-bàn chưa bao lâu, gặp lúc mất mùa đói kém, khất thực khó khăn. Bấy giờ, chúng Tỳ-kheo trẻ tuổi theo Tôn giả A-nan không khéo nhiếp hộ các căn, ăn uống không tiết độ, không thể tinh cần tư duy thiền định từ đầu đêm đến cuối đêm, ưa thích, ham mê ngủ nghỉ, tìm cầu lợi lộc ở đời. Khi du hành đến Nam Sơn72 73*thì có ba mươi Tỳ-kheo trẻ tuổi xả giới hoàn tục, còn lại vài vị nhỏ tuôi. Lúc ây, Tôn giả A-nan đang du hành ở nước Nam Sơn, vì thây đô chúng còn quá ít nên trở lại thành Vương Xá. Sau khi cất y bát, rửa chân xong, Tôn giảA-nan đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi: - Thầy từ đâu đến? Sao đồ chúng còn ít vậy? A-nan đáp: Con đang du hành đến nước Nam Sơn thì có ba mươi Tỳ-kheo trẻ tuổi xả giới hoàn tục, đô chúng tôn giảm, nay còn lại phân nhiêu là các vị nhỏ tuôi. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi Tôn giả A-nan:

72 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1144. 0302cl3). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100119. 0417C09); s. 16.11 - II. 217. Nguyên tác: Nam Thiên Trúc ().s. 16.11 - II. 217: Dakkhināgiri. Theo DPPN, Dakkhiọâgiri là một tiêu quôc (janapada) năm ở phía Nam thành Vương Xá (Rājagaha) thuộc nước Ma-kiệt-đà (Magadha). Ma-kiẹt-đa là một nước lớn ở trung tâm Ấn Độ nên con được gọi Trung Thiên Trúc ( ).Nam Thiên Tníc ()là một địa danh được xác định rõ, nên HT. Thích Minh Châu dịch là Nam Sơn (Dakkhināgiri). Bản dịch dùng chữ theo bản Pâli.

1254 KINH TẠPA-HÀM

Vì những phước lợi gì mà đấng Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thấy Đã Biết chế giới hạn chế ba người trở lên cùng ăn chung?74 Tôn giả A-nan đáp: -Vì hai việc. Là hai việc nào? Một là, nhà nghèo sẽ thêm khốn khó. Hai là, những kẻ xấu lập bè đảng phá hoại nhau. Vì không để cho những kẻ xấu đó lén trà trộn vào trong chúng Tăng, mượn danh chúng Tăng, gây chướng ngại đại chúng, chia làm hai phe rồi hiềm khích, tranh đấu lẫn nhau.75 Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo A-nan: Thầy đã biết ý nghĩa này thì tại sao giữa lúc đói kém lại dẫn số đông đồ chúng trẻ tuổi du hành đến Nam Sơn khiến cho ba mươi người xả giới hoàn tục5 đô chúng tôn giảm, chỉ còn lại phân nhiêu là các vị tuôi nhỏ như thê này? A-nan! Đồ chúng của thầy tổn giảm như vậy thì thầy đúng là trẻ con, không biết trù tính. Tôn giả A-nan đáp: Thế nào, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp? Đầu con đã hai thứ tóc mà ngài nói là trẻ con ư? Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bảo:

ở thời buổi đói kém, thầy cùng các đệ tử trẻ tuổi du hóa trong nhân gian, lại để cho ba mươi đệ tử xả giới hoàn tục, chỉ còn lại các vi tuổi nhỏ. Đồ chúng tổn giảm là do thầy không biết trù tính vậy mà còn than: '.Chúng cũ76 bi tan rẫr A-nan! Chúng tan rã hết bởi do thầy là trẻ con, không biết trù tính. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Đê-xá nghe Tôn giả Ma-ha Ca-diếp quở trách Tôn giả A-nan Tỳ-đề-ha-mâu-ni77 là trẻ con thì không hài lòng, liền nói những lời khiếm nhã: -Tại sao thầy Ma-ha Ca-diếp vốn gốc ngoại đạo mà dám dùng từ "trẻ con,, quở trách thầy A-nan Tỳ-đề-ha-mâu-ni, khiến cái tên "trẻ con" lan khắp? Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bằng thiên nhĩ nên nghe Tỳ-kheo-ni Đê-xá với tâm không hài lòng, nói ra những lời khiếm nhã như thế. Nghe xong, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với Tôn giả A-nan:

7 Nguyên tác: Thỉnh tam nhân dĩ thượng chế quần thực giới H A. B ,.Tham chiếu: S. 16.11 - H. 217: Bhagavatā kulesu tikabhojanain paññattāni Thê Tôn chế định điều luật chỉ ba người ăn đối với các gia chủ, HT. Thích Mmh Chau dịch. ^Thập tụng luật T.23. 1435.36. 0260ạl0 nêu 2 lý do: Vì mục đích bảo hô cho người bố thí nên phải lân man; ii Vì mục đích đánh bại thế lực của hàng Ty-kheo vơi lòng dục xấu ác, khienchung không thê gầy dựng chúng riêng, cử hành pháp riêng để cùng ưanh đấu với chúng Tăng M,ế:$ 16.11'-11?217 nêu 3 lý
do: Đê ngăn chặn các người ác giới, vì sự lạc trú của các Tỷ-kheo chánh hạnh, chớ đê cho ai dựa vào nhưng ác đảng phá hoại chung Tăng, và vì lòng từ mẫn đối với các gia đình. 76 Nguyên tác: Túc sĩ chúng . 77 Tỳđề-ha-mâu-ni Vedehamuni:
Bậc Thánh dòng Tỳ-đề-ha hoặc bậc Thánh nước Tỳ-đề-ha.

QUYỂN 41 1255

Thầy xem! Tỳ-kheo-ni Đê-xá với tâm bất mãn, miệng nói ra những lời khiếm nhã rằng: "Ma-ha Ca-diếp vốn gốc ngoại đạo mà dám ạuở trách thầy A-nan Tỳ-đề-ha-mâu-ni là trẻ con, khiến cái tên 'trẻ con9 lan khăp.99 Tôn giả A-nan đáp: Hãy thôi! Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Xin ngài hãy kham nhẫn! Tôn giả Ma ha Ca-diếp! Bà ấy si mê, không có trí tự tánh. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói với A-nan: Từ khi xuất gia đến nay, ngoài đức Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác ra, ta không thờ thầy nào khác. Khi chưa xuất gia, ta thường suy tư về sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não, biết rằng tại gia đa đoan, nhiều thứ phiền não, xuất gia thanh nhàn, khó để cho người thế tục sống không gia đình một bề thanh khiết, trọn cả cuộc đời thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh thanh bạch. Thế nên, ta đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo c-sa, có lòng tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo, đem cái áo giá trị trăm ngàn lượng vàng cắt ra từng mảnh, may thành y Tăng-già-lê.78 Nghe ở thế gian có vị A-la-hán nào thì liền theo vị ây xuất gia. Sau khi xuất gia roi, có lân nơi tháp Đa Tử giữa thôn Na-la ở thành Vương Xá, ta nhìn thấy Thế Tôn thân ngồi ngay thẳng, tướng tốt kỳ lạ, các căn vắng lặng, tịch tĩnh bậc nhất, giống như núi vàng. Thấy vậy rồi, ta nghĩ thế này: "Dây là Đại sư của ta, đây là Thế Tôn, đây là La-hán, đây là bậc Đẳng Chánh Giác!,, Khi ấy, ta nhất tâm chắp tay kính lễ, bạch Phật rằng: "Ngài là Đại sư của con, con là đệ tử!" Đức Phật bảo: "Bứng vậy, Ca-diếp! Ta là Đại sư của ông, ông là đệ tử. Này Ca-diếp! Nay ông đã thanh tựu tâm chân thật thanh tịnh như thế, thật là người đáng kính. Nếu không biết nói biết, không

thấy nói thấy, chẳng phải A-la-hán nói là A-la-hán, chẳng phải Đẳng Chánh Giác nói là Đẳnẹ Chánh Giác thì tự nhiên thân vỡ thành bảy phần. Này Ca-diếp! Do nay Ta biêt nên nói biết, thấy nên nói thấy, thật A-la- hán nên nói là A-la-hán, thật Đẳng Chánh Giác nên nói là Đẳng Chánh Giác. Này Ca-diếp! Nay Ta thuyết pháp cho đệ tử79 vì có nhân duyên chứ chẳng phải không có nhân duyên, có y cứ chứ chẳng phải không có y cứ? có thân lực chứ chẳng phải không có thần lực. Do đó? này Ca-diếp! Nếu muốn nghe pháp phải học như vầy: Khi nệhe pháp nếu muốn được lợi ích thì hãy nên nhát tâm, cung kính tôn trọng, lăng lòng nghe kỹ và khởi suy nghĩ rằng: 'Ta phải chánh quán đối với sự sanh diệt của năm uẩn;80 sự tập khởi, diệt mát của sáu xúc nhập xứ; chánh niệm lạc trú đối với bốn niệm xứ, tu tập bảy giác phần, tự thân tác chứng tám giải thoát, thường niệm về thân, chưa từng buông bỏ,81 lìa xa sự không biết ho thẹn, gang

78 Tăng-già-lê ,Sañghātī.

79 Nguyên tác: Thanh vn .

80 Nguyên tác: Ngũ ấm .

81 Nguyên tác: Vị thường đoạn tuyệt .Tham chiếu: Biệt Tạp.T.02. 0100.119.

0418c01: Vị tằng phóng x.

theo kịp Phạm hạnh và đức lớn của Đại su, thường giữ tâm hổ thẹn, nên học tập như thế! Bấy giờ, sau khi Thế Tôn thuyết pháp, mở bày, dạy bảo, khích lệ, khiến cho ta hoan hỷ82 rồi, Ngài đứng dậy ra đi, ta cũng đi theo, hướng về trụ xứ. Thế rồi, ta lấy cái áo giá trị trăm ngàn lượng vàng đã cắt ra may thành y Tăng-già-lê ấy, gấp tư làm tòa. Lúc ấy, Thế Tôn biết ta chí tâm cầu đạo giải thoát nên khi ta trải y ấy làm tọa cụ5 thỉnh Phật an tọa. Ngài liền ngồi xuống, lấy tay sờ y, khen rằng: "Ca-diếp! Y này nhẹ mịn, y này mem Ta thưa: "Dúng vậy, bạch Thế Tôn! Y này nhẹ mịn, y này mềm mại, cúi xin Thế Tôn thọ nhận y này của con.,, Đức Phật bảo: “Ong hãy nhận lấy y phấn tảo của Ta, Ta sẽ thọ nhận y Tăng- già-lê của 6ng." Thế rồi, Phật liền tự tay trao y phấn tảo cho ta, ta liền dâng Phật y Tăng-già- lê. Ngài dần dần truyền dạy như vậy, trong vòng tám ngày, ta học pháp và thọ trì khất thực. Đen ngày thứ chín, ta đạt đến Vô học. Này A-nan! Nếu có ai đến hỏi thẳng: "Ai là pháp tử của Thế Tôn, từ miệng Phật sanh ra, từ pháp hóa sanh, được giao phó gia tài Phật pháp: Các thiền, giải : r thoát, tam-muội chánh tho?" thì nên đáp đó là ta, nói như thê mới đúng. Ví như trưởng tử của Chuyên Luân Thánh Vương sẽ được thọ pháp quán đảnh, trụ nơi vương vị, thọ hưởng năm dục, không cần khổ nhọc, tự nhiên mà được. Ta cũng như thê, là pháp tử của Phật, từ miệng Phật sanh ra, từ pháp hóa sanh, được giao phó gia tài Phật pháp: Các thiền, giải thoát, tam-muội chánh thọ, không cần khổ nhọc, tự nhiên mà có. Ví như voi báu của Chuyên Luân Thánh Vương cao bảy, tám khuỷu tay mà một chiêc lá đa-la có thê che phủ. Cũng vậy, trí lực sáu phép thân thông mà ta thành tựu cũng có thể che phủ khắp.83 Nếu có người nào nghi ngờ về trí chứng của cảnh giới thần thông thì ta có thể vì họ phân biệt, giải nói. Nếu có người nào nghi ngờ về Thiên nhi, Tha tâm thông, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận tác chứng trí thì ta có thê vì họ phân biệt, giải nói và giúp họ xác quyêt. Tôn giả A-nan thưa: -Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-diếp! Như voi báu của

Chuyên Luân Thánh Vương cao bảy, tám khuỷu tay, chỉ dùng một chiêc lá đa-la thì có thể che phủ. Cũng vậy, trí lực sáu phép thần thông mà Tôn giả Ma-ha Ca- diếp thành tựu cũng có thể che phủ khắp. Nấu có người nghi ngờ về trí chứng của cảnh giới thần thông... (cho đến) Lậu tận tác chứng trí thì Tôn giả Ma-ha

82 Nguyên tác: Thị, giáo, chiếu, hỷ ().Xem chú thích 24, kinh số 92, quyển 4, tr. 105; Tạp. (f.O2. 0099.92. 0023c18). 83 Ca-hy-na kinh (roi. 0026.80. 0551c26) và s. 16.10 - II. 214, cũng nêu dẫn ví dụ về con voi và lá cây đa-la, nhưng co vài khác biệt trong thể thức và phương cách trình bày.

QUYÊN 41 1257

Ca-diêp có thê vì họ mà giải đáp, giúp họ xác quyêt. Con luôn luôn kính tín, tôn trọng Ma-ha Ca-diếp vì Tôn giả có thần lực, đại đức như the! Khi Tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói những lời này, Tôn giả A-nan nghe xong, hoan hỷ thọ trì.84

84 Bản Hán, hết quyển 4l.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.